|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1  **TRƯỜNG THCS VÕ TRƯỜNG TOẢN**  **NHÓM SINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Quận 1, ngày 09 tháng 4 năm 2020* |
|  |  |

**KẾ HOẠCH**

**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC SAU TINH GIẢN THEO HƯỚNG DẪN CỦA CÔNG VĂN 1113/GDĐT-GDTrH**

**HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020**

**ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC SINH HỌC HỌC KÌ II**

**LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiết | Bài | **HỌC KỲ II** |  |
| 39 | 30 | Thụ phấn (tiếp theo). |  |
| 40 | 31 | Thụ tinh, kết quả và tạo hạt. |  |
| **CHƯƠNG VII. QUẢ VÀ HẠT** | | | |
| 41 | 32 | Các loại quả. |  |
| 42 | 33 | Hạt và các bộ phận của hạt. |  |
|  | 34 | Phát tán của quả và hạt. | Khuyến khích học sinh tự đọc |
|  | 35 | Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm. | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 43 | 36 | Tổng kết về cây có hoa. | Mục II. Cây với môi trường: Khuyến khích học sinh tự đọc |
| **CHƯƠNG VIII. CÁC NHÓM THỰC VẬT** | | | |
| 44 | 37 | Tảo. | - Mục 1: Cấu tạo của tảo và mục 2: Một vài tảo khác thường gặp: - Chỉ giới thiệu các đại diện bằng hình ảnh mà không đi sâu vào cấu tạo. |
| - Không yêu cầu HS trả lời: Câu hỏi 1, 2, 4 |
| - Không yêu cầu HS trả lời phần cấu tạo: Câu hỏi 3 |
| 45 | 38 | Rêu - Cây rêu. | Mục 3.Túi bào tử và sự phát triển của rêu: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu hình thức sinh sản của rêu. |
| 46 | 39 | Quyết - Cây dương xỉ. | Mục 1b) Túi bào tử và sự phát triển của dương xỉ: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu hình thức sinh sản của dương xỉ.  Mục 2. Một vài loại dương xỉ thường gặp: Không dạy.  Mục 3. Quyết cổ đại và sự hình thành than đá: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 46 | 40 | Hạt trần - Cây thông. | Mục 2. Cơ quan sinh sản(nón): Không dạy chi tiết, không bắt buộc so sánh cấu tạo hoa của hạt kín với nón của hạt trần, chỉ giới thiệu cơ quan sinh sản. |
| 47 | 41 | Hạt kín - Đặc điểm của thực vật Hạt kín. | Câu hỏi 3: Không yêu cầu HS trả lời. Phần lệnh▼”Lấy một quả để kiểm tra điều trên”: Không thực hiện. |
| 42 | Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm. | Mục 2. Đặc điểm phân biệt giữa lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 48 |  | Ôn tập |  |
| 49 |  | Kiểm tra 1 tiết |  |
| 50 | 43 | Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật. | Không dạy chi tiết, chỉ dạy những hiểu biết chung về phân loại thực vật. |
| 50 |  | Sự phát triển của giới Thực vật | Đọc thêm ( Thay bằng nội dung ôn tập Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm) |
| 51 | 45 | Nguồn gốc cây trồng. |  |
| **CHƯƠNG IX. VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT** | | | |
| 52 | 46 | Thực vật góp phần điều hoà khí hậu. | Mục 1. Nhờ đâu hàm lượng khí cacbonic và oxi trong không khí được ổn định?: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước. | Mục 1. Phần lệnh▼: Không thực hiện. |
| 53 | 48 | Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người. | Mục I.1. Phần lệnh▼: Không thực hiện. |
| 48 | Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người (tiếp theo). | Cả 3 bài 46, 47, 48: Tích hợp thành chủ đề ”Vai trò của thực vật”. |
| 54 | 49 | Bảo vệ sự đa dạng của thực vật. |  |
| **CHƯƠNG X. VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA Y** | | | |
| 55 | 50 | Vi khuẩn. | Mục 2. Cách dinh dưỡng. Mục 3. Phân bố và số lượng: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 55 | 51 | Nấm. | Mục I.1. Phần lệnh ▼- Mục II. Phần lệnh▼ : Không thực hiện.  Phần B. Mục I. Đặc điểm sinh học: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
|  | 52 | Địa y. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 56 |  | Ôn tập |  |
| 57 |  | Ôn tập |  |
| 58 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 59 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 60 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 61 |  | Kiểm tra học kỳ II |  |
|  | 53 | Tham quan thiên nhiên. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện |
| 53 | Tham quan thiên nhiên. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện |

**LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ II** | | | |
| **Lớp Lưỡng cư** | | | |
| 39 | 35 | Ếch đồng. |  |
| 40 | 36 | *Thực hành:* Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ. |  |
| 41 | 37 | Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư. |  |
| **Lớp Bò sát** | | | |
| 42 | 38 | Thằn lằn bóng đuôi dài. |  |
|  | 39 | Cấu tạo trong của thằn lằn. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 43 | 40 | Đa dạng và đặc điểm của lớp Bò sát. | Phần lệnh ▼(Mục I. Đa dạng của bò sát): Không yêu cầu HS trả lời |
| **Lớp Chim** | | | |
| 44 | 41 | Chim bồ câu. |  |
| 45 | 42 | Cấu tạo trong của chim bồ câu. |  |
|  | 43 | *Thực hành:* Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim bồ câu. | Cả bài: Không thực hiện. |
| 46 | 44 | Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Chim. | - Phần lệnh ▼: Đọc bảng và hình 44.3 (dòng 1 trang 145): Không yêu cầu HS trả lời |
| - Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 trang 146 |
|  | 45 | *Thực hành*: Xem băng hình về đời sống và tập tính của Chim. Khuyến khích học sinh tự thực hiện (Cả bài). | |
| **Lớp Thú (lớp có vú).** | | | |
| 47 | 46 | Thỏ. |  |
|  | 47 | Cấu tạo trong của thỏ. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 48 | 48 | Đa dạng của lớp Thú  Bộ thú huyệt, bộ Thú túi. | - Không dạy: Phần lệnh ▼ (phần II. Bộ Thú túi) trang 157 |
| - Không yêu cầu HS trả lời: Câu hỏi 2 trang 158 |
| 49 | Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)  Bộ Dơi và bộ Cá voi. | Không dạy: Phần lệnh ▼ trang 160. |
| 49 |  | Kiểm tra 1 tiết. |  |
| 50 | 50 | Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)  Bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt. | - Không dạy: Phần lệnh ▼ trang 164 |
| - Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 trang 165 |
| 51 | Đa dạng của lớp Thú (tiếp theo)  Các bộ Móng guốc và bộ Linh trưởng. | Cả 3 bài: 48, 49, 50: Tích hợp cùng Bài 51 thành chủ đề” Đa dạng của lớp Thú”.  Nội dung: Thú Móng guốc gồm ba bộ(Mục I. Các bộ Móng guốc). Phần lệnh▼. Mục II. Phần lệnh▼: Không thực hiện.) |
|  | 52 | *Thực hành*: Xem băng hình về đời sống và tập tính của Thú. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
|  |  |  |  |
| **CHƯƠNG VII: SỰ TIẾN HOÁ CỦA ĐỘNG VẬT** | | | |
|  |  | Môi trường sống và sự vận động di chuyển ( Không dạy)  Thay bằng nội dung: *Xem băng hình về đời sống và tập tính của thú* |  |
|  | 54 | Tiến hoá về tổ chức cơ thể. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 51 | 55 | Tiến hoá về sinh sản. |  |
| 52 | 56 | Cây phát sinh giới Động vật. |  |
| **CHƯƠNG VIII: ĐỘNG VẬT VÀ ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI** | | | |
| 53 | 57 | Đa dạng sinh học. | Cả bài: Không phân tích sự thích nghi của động vật với môi trường sống, chỉ giới thiệu sự đa dạng của động vật. Tích hợp vào Bài 58. |
| 58 | Đa dạng sinh học (tiếp theo). | Cả bài: Tích hợp cùng bài 57 thành chủ đề” Đa dạng sinh học”. |
| 54 | 59 | Biện pháp đấu tranh sinh học. |  |
|  | 60 | Động vật quý hiếm. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
|  | 61, 62 | Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng trong kinh tế ở địa phương. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 55 |  | Ôn tập học kỳ II. |  |
| 56 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 57 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 58 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 59 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
|  | 64-66 | *Thực hành*: Tham quan thiên nhiên. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |

**LỚP 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ II** | | | |
| 39 | 34 | Vitamin và muối khoáng. |  |
| 40 | 36 | Tiêu chuẩn ăn uống. Nguyên tắc lập khẩu phần. |  |
| 41 | 37 | *Thực hành*: Phân tích một khẩu phần cho trước. |  |
| **CHƯƠNG VII. BÀI TIẾT** | | | |
| 42 | 38 | Bài tiết và cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu. |  |
| 43 | 39 | Bài tiết nước tiểu. | Hình 39.1. Sơ đồ quá trình tạo thành nước tiểu ở một đơn vị chức năng của thận.: Không dạy chi tiết sơ đồ hình 39.1, chỉ dạy phân biệt 3 quá trình lọc máu, hấp thu lại và bài tiết tiếp.(Mục I).  Mục I. Phần lệnh▼ và Mục II. Phần lệnh▼: Không thực hiện. |
| 43 | 40 | Vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu. | Mục I. Một số tác nhân chủ yếu gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu.: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các tác nhân. |
|  |  |  |  |
| **CHƯƠNG VIII. DA** | | | |
| 44 | 41 | Cấu tạo và chức năng của da. | Mục I. Cấu tạo của da: Không dạy chi tiết cấu tạo từng phần của da. |
| 44 | 42 | Vệ sinh da. | Mục II. Rèn luyện da: Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG IX. THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN** | | | |
| 45 | 43 | Giới thiệu chung hệ thần kinh. | Mục I. Nơ ron- Đơn vị cấu tạo của thần kinh: Không dạy.  Mục II.1. Cấu tạo: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu cấu tạo. |
|  | 44 | *Thực hành:* Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tuỷ sống. | Cả bài: Không thực hiện. |
| 45 | 45 | Dây thần kinh tuỷ. |  |
| 46 | 46 | Trụ não, tiểu não, não trung gian. | - Không dạy: Lệnh ▼ So sánh cấu tạo và chức năng của trụ não và tủy sống…và bảng 46 trang 145.  Không dạy phần cấu tạo não bộ, chỉ dạy về vị trí và chức năng. |
| 46 | 47 | Đại não. | Lệnh ▼ trang 149: Không dạy |
|  | 48 | Hệ thần kinh sinh dưỡng. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | 49 | Cơ quan phân tích thị giác. | - Không dạy: Hình 49 – 1 và nội dung liên quan ở lệnh ▼ trang 155 |
| - Không dạy: Hình 49.4 và lệnh ▼ trang 157  Mục II.2. Cấu tạo của màng lưới. Mục II.3. Sự tạo ảnh ở màng lưới: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | 50 | Vệ sinh mắt. |  |
| 48 | 51 | Cơ quan phân tích thính giác. | Hình 51.2 và nội dung liên quan trang 163: Không dạy |
| - Câu hỏi 1 trang 165: Không yêu cầu HS trả lời |
| 49 |  | Kiểm tra 1 tiết |  |
| 50 | 52 | Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện. |  |
|  | 53 | Hoạt động thần kinh cấp cao ở người. | Cả bài: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 51 | 54 | Vệ sinh hệ thần kinh. |  |
| **CHƯƠNG X. NỘI TIẾT** | | | |
| 60 | 55 | Giới thiệu chung hệ nội tiết. | Cả 5 bài: Không dạy đặc điểm cấu tạo các tuyến.  Tích hợp thành chủ đề “ Nội tiết”. |
| 56 | Tuyến yên, tuyến giáp. |
| 57 | Tuyến tuỵ và tuyến trên thận. |
| 61 | 58 | Tuyến sinh dục. |
| 61 | 59 | Sự điều hoà và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết. |
| **CHƯƠNG XI. SINH SẢN** | | | |
| 62 | 60, 61 | Cơ quan sinh dục nam;  Cơ quan sinh dục nữ. | Mục I. Tinh hoàn và tinh trùng.  Mục II. Buồng trứng và trứng: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu. |
| 63 | 62 | Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai. |  |
| 64 | 63 | Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai. |  |
| 65 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 66 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 67 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 68 |  | Kiểm tra học kỳ II. |  |
| 69 | 64 | Các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh tình dục). | Mục II. Bệnh giang mai.: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 69 | 65 | Đại dịch AIDS - Thảm hoạ của loài người. | Mục II. Đại dịch AIDS- Thảm họa của loài người: Khuyến khích học sinh tự đọc. |

**LỚP 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ II**  **CHƯƠNG VI. ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC** | | | |
| 39 | 34 | Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần. |  |
| 40 | 35 | Ưu thế lai. |  |
|  | 36 | Các phương pháp chọn lọc  *Thay bằng Ôn tập: ADN, ARN* | Đọc thêm |
| 41 | 37 | Thành tựu chọn giống ở Việt Nam  *Thay nội dung ôn tập: Đột biến gen, đột biến NST* | Không dạy |
|  | 38 | *Thực hành*: Tập dượt thao tác giao phấn. | Không thực hiện |
|  | 39 | *Thực hành*: Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**  **Chương I. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | |
| 42 | 41 | Môi trường và các nhân tố sinh thái. |  |
| 43 | 42 | Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật. |  |
| 44 | 43 | Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật. |  |
| 45 | 44 | Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật. |  |
|  | 45, 46 | *Thực hành*: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG II. HỆ SINH THÁI** | | | |
| 46 | 47 | Quần thể sinh vật. | Mục II. Những đặc trưng cơ bản của quần thể: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các đặc trưng. |
| 46 | 48 | Quần thể người. | Mục II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người: Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| 47 | 49 | Quần xã sinh vật. |  |
| 48 | 50 | Hệ sinh thái. |  |
|  | 51 | *Thực hành*: Hệ sinh thái. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 49 |  | *Kiểm tra 1 tiết* |  |
|  | 52 | *Thực hành*: Hệ sinh thái. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG III. CON NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | |
| 50 | 53 | Tác động của con người đối với môi trường. |  |
| 51 | 54 | Ô nhiễm môi trường. |  |
|  | 55 | Ô nhiễm môi trường (tiếp theo). | Khuyến khích học sinh tự đọc. |
|  | 56, 57 | *Thực hành*: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| **CHƯƠNG IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** | | | |
| 52 | 58 | Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. | Cả 4 bài: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu khái quát.  Tích hợp thành chủ đề “ Bảo vệ môi trường”. |
| 52 | 59 | Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã. |
| 53 | 60 | Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái. |
| 61 | Luật bảo vệ môi trường. |
|  | 62 | *Thực hành*: Vận dụng luật bảo vệ môi trường vào việc bảo vệ môi trường ở địa phương. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |
| 54 |  | Ôn tập cuối học kỳ II. |  |
| 55 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
| 56 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
| 57 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
| 58 |  | Kiểm tra học kì II. |  |
|  | 64-66 | Tổng kết chương trình toàn cấp. | Khuyến khích học sinh tự thực hiện. |

**DUYỆT CỦA BGH NHÓM TRƯỞNG**

**Vũ Thị Hạnh Duyên**